

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 05/4/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-DS ngày 18-3-2024; Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 20/2024/QĐ-TĐNTHTT ngày 04-4-2024 của Tòa án nhân dân thị xã P, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: đường K, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền khởi kiện cho: Bà Nguyễn Thị Thiên H, chức vụ - Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lai Hồng P – Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh (có mặt).

Địa chỉ: Số 03 đường C, phường T, thành phố R, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Lê Huy D, sinh năm 1980 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ M, khu phố O, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31-5-2021, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) – Chi nhánh R và ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng vay số BD-07-HĐTD/21-PT-C, với nội dung cơ bản như sau: Ông D, bà T vay của Ngân hàng V – Chi nhánh R số tiền 4.000.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Thời hạn 240 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm, áp dụng cố định trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn. Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng một lần. Trường hợp khách hàng vay chuyển nợ không đủ tiêu chuẩn (phân loại nợ từ nhóm 2 - nhóm 5) trong thời gian hưởng ưu đãi lãi suất (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên): áp dụng mức lãi suất bằng lãi suất sau thời gian ưu đãi kể từ thời điểm phát sinh nợ không đủ tiêu chuẩn. Trường hợp khoản vay chuyển lại nợ nhóm 1 (sau khi bị phân loại nợ từ nhóm 2 – nhóm 5): khách hàng không được hưởng mức lãi suất ưu đãi trở lại; Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Ngày giải ngân: 02-6-2021; Hình thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản theo Giấy nhận nợ (kèm hợp đồng vay) ngày 02-6-2021; Phương thức trả nợ vay: từng kỳ (240 kỳ) vào ngày 26 hàng tháng.

* Quá trình thực hiện Hợp đồng BD-07-HĐTD/21-PT-C ngày 31-5-2021: Quá trình thanh toán nợ vay tính đến ngày 05-4-2024: Ông D bà T thanh toán nợ gốc được 21 kỳ với số tiền 348.600.000đồng; nợ lãi trong hạn: 536.372.077đồng; nợ lãi quá hạn: 114.743đồng; tổng cộng số tiền ông D, bà T đã trả được đến ngày 05-4-2024 là 885.086.820đồng. Còn nợ gốc là 3.651.400.000đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 05-4-2024 là 440.051.124đồng; Lãi chậm trả nợ gốc tạm tính đến ngày 05-4-2024 là 5.606.525đồng. Tổng cộng là 4.097.057.649đồng.

Ngày 07-6-2021, Ngân hàng V – Chi nhánh R và ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: TD-13-HĐTD/21-PT-C, với nội dung cơ bản như sau: Ông D, bà T vay của Ngân hàng V – Chi nhánh R số tiền 300.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn 180 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm; Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Ngày giải ngân: 08-6-2021; Hình thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản theo Giấy nhận nợ (kèm hợp đồng vay) ngày 07-6-2021; Phương thức trả nợ vay: từng kỳ (180 kỳ) vào ngày 26 hàng tháng.

* Quá trình thực hiện Hợp đồng TD-13-HĐTD/21-PT-C ngày 07-6-2021: Quá trình thanh toán nợ vay tính đến ngày 05-4-2024: Ông D bà T thanh toán nợ gốc 33.600.000đồng; nợ lãi trong hạn: 47.833.356đồng; nợ lãi quá hạn: 15.755đồng; tổng cộng số tiền ông D, bà T đã trả được đến ngày 05-4-2024 là 81.449.111đồng. Còn nợ gốc 266.400.000đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 05-4-2024 là 33.921.133đồng; Lãi chậm trả nợ gốc tạm tính đến ngày 05-4-2024 là 556.243đồng. Tổng cộng là 300.877.376đồng.

* Đối với khoản nợ thẻ tín dụng:

Ngày 01-7-2020, Ngân hàng V – Chi nhánh U phát hành số tài khoản thẻ: V0080001989, người đứng tên là ông Lê Huy D. Hạn mức cấp thẻ tín dụng: 30.000.000đồng. Lãi suất 18%/năm áp dụng đối với lãi suất thẻ tín dụng visa hạng chuẩn theo quy định về phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V; phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 100.000đồng). Ông D giao dịch thẻ tín dụng số V0080001989 từ ngày 16-8-2020. Đến ngày 11-4-2023 Ông D không giao dịch đối với thẻ tín dụng số V0080001989 nữa, số dư nợ (ngày 11-4-2023) cần thanh toán đến ngày 05-5-2023 là 19.157.729đồng. Đến ngày 05-4-2024 dư nợ vợ chồng ông D, bà T cần thanh toán cho thẻ tín dụng số V0080001989 là 27.911.442đồng; trong đó gốc là 18.584.271đồng, phí chậm thanh toán là 5.843.691đồng, tiền lãi trong hạn là 3.483.480đồng.

Ngày 24-10-2022, Ngân hàng V – Chi nhánh R phát hành số tài khoản thẻ: VS11502064598, người đứng tên là ông Lê Huy D. Hạn mức cấp thẻ tín dụng: 150.000.000đồng. Lãi suất 15%/năm áp dụng đối với lãi suất thẻ tín dụng hạng Signature theo quy định về phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V; phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 100.000đồng). Ông D giao dịch thẻ tín dụng số VS11502064598 từ ngày 02-11-2022. Đến ngày 11-4-2023 ông D không giao dịch đối với thẻ tín dụng số VS11502064598 nữa, số dư nợ (ngày 11-4-2023) cần thanh toán đến ngày 15-5-2023 là 131.149.459đồng. Đến ngày 05-4-2024 dư nợ vợ chồng ông D, bà T cần thanh toán cho thẻ tín dụng số VS11502064598 là 157.492.650đồng; trong đó gốc là 129.460.875đồng, phí thường niên chưa thanh toán là 3.000.000đồng, phí chậm thanh toán là 5.520.324đồng, lãi trong hạn là 19.511.451đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà T có nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng tổng cộng là 4.583.339.117đồng theo các hợp đồng vay và hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên. Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 06-4-2024 cho đến khi ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng vay, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Trong trường hợp ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền được tự phát mãi tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24 tờ bản đồ 4 toạ lạc xã E, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 517453 ngày 09-6-2016; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 179 tờ bản đồ số 85, toạ lạc tại khu phố X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 184850 ngày 13-10-2006 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số công chứng 6498, quyền số 01/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-6-

2021. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

+ Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T công nhận bà và ông D có ký Hợp đồng cho vay số BD-07-HDTD/21-PT-C ngày 31-5-2021; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-13-HDTD/21-PT-C ngày 07-6-2021 để vay tiền; có đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng là thẻ tín dụng VS11502064598 ngày cấp thẻ 24-10-2022; thẻ tín dụng V0080001989 ngày cấp 01-7-2020 với Ngân hàng TMCP V.

Nay bà T đồng ý nhận nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Tổng số tiền gốc lãi đến ngày 05-4-2024 là 4.583.339.117 đồng như Ngân hàng TMCP V trình bày. Đồng ý tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 06-4-2024 cho đến khi ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng vay, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Trường hợp không trả được nợ bà T đồng ý để Ngân hàng phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số công chứng 6498, quyền số 01/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-6-2021 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Huy D: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Lê Huy D liên tục vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, không có bất kỳ ý kiến gì về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã P thụ lý và giải quyết đúng theo thẩm quyền. Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn ông Lê Huy D chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa xác định ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng vay, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp về đồng tín dụng, không có mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Huy D đã được Tòa án triệu tập 2 lần hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, xét xử vắng mặt ông D là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà T chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn ông D không thu thập được lời khai. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị T, xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các Hợp đồng cho vay số BD-07-HDTD/21-PT-C ngày 31/5/2021, giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-13-HDTD/21-PT-C ngày 07/6//2021; Tài khoản thẻ tín dụng số VS11502064598 (Visacard Signature) cấp ngày 24/10/2022 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh R; tài khoản thẻ tín dụng số V0080001989 (Visa Credit) cấp ngày 01-7-2020 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh U thể hiện người cho vay là Ngân hàng TMCP V, người vay là ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T. Mặc dù không thu thập được lời khai của ông D nhưng trong hợp đồng phía bên vay có ký và ghi chữ Lê Huy D, đồng thời chính bà T là vợ của ông D cũng thừa nhận vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng TMCP V và còn nợ 02 thẻ tín dụng. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và sự thừa nhận của bà T có đủ cơ sở khẳng định ông Lê Huy D và bà Nguyễn Thị T có vay tiền chưa thanh toán và nợ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP V, quá trình vay ông D và bà T có trả được một số khoản tiền cả gốc và lãi, mặc dù bên bị đơn không cung cấp được chứng cứ nhưng nguyên đơn đã thừa nhận là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận những khoản đã trả nợ, các khoản vay và còn nợ được thể như sau:

+ Hợp đồng cho vay số BD-07-HDTD/21-PT-C ngày 31/5/2021, số tiền gốc vay 4.000.000.000đ, kỳ hạn vay: 240 tháng; lãi suất 8,4%/năm theo phương thức trả đều mỗi tháng gốc là 16.600.000đ, lãi giảm dần trên dư nợ gốc. Ông D, bà T đã thanh toán cả gốc và lãi đến ngày 07-3-2023 là 885.086.820đồng; trong đó nợ gốc là 348.600.000đồng; nợ lãi trong hạn: 536.372.077đồng; nợ lãi quá hạn: 114.743đồng. Từ ngày 08-3-2023 đến ngày 05-4-2024 ông D bà T còn nợ gốc là 3.651.400.000đồng; nợ lãi là 440.051.124đồng; Lãi chậm trả nợ gốc là 5.606.525đồng. Tổng cộng số tiền ông D, bà T còn nợ của ngân hàng đến ngày 05/4/2024 là 4.097.057.649đồng.

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-13-HDTD/21-PT-C ngày 07-6-2021, số tiền gốc vay 300.000.000đ, kỳ hạn vay: 180 tháng; lãi suất 10,5%/năm theo phương thức trả đều mỗi tháng gốc là 1.600.000đồng, lãi giảm dần trên dư nợ gốc. Ông D, bà T đã thanh toán cả gốc và lãi đến ngày 07-3-2023 là 81.449.111đồng; trong đó nợ gốc là 33.600.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 47.833.356đồng; nợ lãi quá hạn: 15.755đồng. Từ ngày 08-3-2023 đến ngày 05-4-2024 ông D bà T còn nợ gốc là 266.400.000đồng; Nợ lãi là 33.921.133đồng; Lãi chậm trả nợ gốc là 556.243đồng. Tổng cộng số tiền ông D, bà T còn nợ của ngân hàng đến ngày 05-4-2024 là 300.877.376đồng.

+ Tài khoản thẻ tín dụng số V0080001989 (Visa Credit) cấp ngày 01-7-2020 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh U, hạn mức 30.000.000đ, lãi suất 18%/năm, người đứng tên tài khoản ông Lê Huy D. Ông D giao dịch thẻ tín dụng số V0080001989 từ ngày 16-8-2020. Đến ngày 11-4-2023 ông D không giao dịch đối với thẻ tín dụng số V0080001989 nữa. Đến ngày 05-4-2024 dư nợ ông D, bà T cần thanh toán cho thẻ tín dụng số V0080001989 là 27.911.442đồng; trong đó gốc là 18.584.271đồng, phí chậm thanh toán là 5.843.691đồng, tiền lãi trong hạn là 3.483.480đồng.

+ Tài khoản thẻ tín dụng số VS11502064598 (Visacard Signature) cấp ngày 24-10-2022 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh R, hạn mức 150.000.000đ, lãi suất 15%/năm, người đứng tên tài khoản ông Lê Huy D. Ông D giao dịch thẻ tín dụng số VS11502064598 từ ngày 02-11-2022. Đến ngày 11-4-2023 ông D không giao dịch đối với thẻ tín dụng số VS11502064598 nữa. Đến ngày 05-4-2024 dư nợ ông D, bà T cần thanh toán cho thẻ tín dụng số VS11502064598 là 157.492.650đồng; trong đó gốc là 129.460.875đồng, phí thường niên chưa thanh toán là 3.000.000đồng, phí chậm thanh toán là 5.520.324đồng, lãi trong hạn là 19.511.451đồng.

[2.2] Về lãi suất:

Lãi suất các bên thỏa thuận đối với Hợp đồng cho vay số BD-07-HDTD/21-PT-C ngày 31-5-2021 tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất là 8,4%/năm, áp dụng cố định trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn. Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất các bên thỏa thuận đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-13-HDTD/21-PT-C ngày 07-6-2021 tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất là 10,5%/năm. Lãi suất đối với thẻ tín dụng VS11502064598 là 15%/năm áp dụng đối với lãi suất thẻ tín dụng hạng Signature và lãi suất đối với thẻ tín dụng V0080001989 là 18%/năm áp dụng đối với lãi suất thẻ tín dụng hạng chuẩn theo quy định về phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Xét các bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất, mức lãi suất này không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận mức lãi suất này.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng và cấp thẻ tín dụng nêu trên thì ông D, bà T đã ký kết hợp đồng thế chấp số 07-HDTC/21-

PT-C không ghi ngày, có ghi tháng 5/2021, công chứng ngày 01-6-2021 tại Văn phòng công chứng Thân Văn Q, hoàn thành đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất vào ngày 02-6-2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã P để thế chấp 02 thửa đất và các tài sản trên đất gồm:

Diện tích đất 817m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã E, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 517453 do UBND huyện M (nay là thị xã P) cấp ngày 09-6-2016, đã chỉnh lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T;

Diện tích đất 609m² thuộc thửa 179, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu phố X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG184850 do UBND huyện M (nay là thị xã P) cấp ngày 13-10-2006, đã chỉnh lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T.

Xét hợp đồng thế chấp là sự tự nguyện của các bên, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Thân Văn Q theo quy định và có thẩm định khi thế chấp. Do vậy, hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là có căn cứ cần chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 05-4-2024 là 4.583.339.117đồng cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp vợ chồng ông D, bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền phát mại tài sản là 02 quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 10.000.000đ. Số tiền chi phí này ông D, bà T phải chịu, tuy nhiên Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng. Do vậy, buộc ông D, bà T có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 10.000.000đ này cho Ngân hàng TMCP V.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35 39, 147, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 299, 317, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V với tổng số tiền là 4.583.339.117đ (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, một trăm mười bảy đồng). Trong đó,

+ Hợp đồng cho vay số BD-07-HDTD/21-PT-C ngày 31/5/2021 nợ gốc là 3.651.400.000đ, lãi suất trong hạn đến ngày 05/4/2024 là 440.051.124đ, lãi quá hạn đến ngày 05-4-2024 là 5.606.525đồng. Tổng cộng là 4.097.057.649đ (bốn tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng).

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số TD-13-HDTD/21-PT-C ngày 07/6/2021, nợ gốc là 266.400.000đ, lãi suất trong hạn đến ngày 05/4/2024 là 33.921.133đồng, lãi quá hạn đến ngày 05/4/2024 là 556.243đồng. Tổng cộng là 300.877.376đồng (Ba trăm triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

+ Tài khoản thẻ tín dụng số V0080001989 (Visa Credit) ngày 01-7-2020 dư nợ đến ngày 05-4-2024 là 27.911.442đồng (Hai mươi bảy triệu, chín trăm mười một nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 18.584.271đồng, phí chậm thanh toán là 5.843.691đồng, lãi trong hạn là 3.483.480đồng.

+ Tài khoản thẻ tín dụng số VS11502064598 (Visacard Signature) ngày 24-10-2022, dư nợ đến ngày 05-4-2024 là 157.492.650đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 129.460.875đồng, phí thường niên chưa thanh toán 3.000.000đồng, phí chậm thanh toán là 5.520.324đồng, lãi trong hạn là 19.511.451đồng.

Vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo các hợp đồng vay và các giấy đề nghị phát hành thẻ kể ngày 06/4/2024 cho đến khi trả hết số nợ.

+ Trường hợp vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T không trả được số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là:

- Diện tích đất 817m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã E, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 517453 do UBND huyện M (nay là thị xã P) cấp ngày 09/6/2016, đã chính lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T;

- Diện tích đất 609m² thuộc thửa 179, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu phố X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 184850 do UBND huyện M (nay là thị xã P) cấp ngày 13/10/2006, đã chính lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

+ Sau khi vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V phải trả lại cho vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 517453 do UBND huyện Tân Thanh (nay là thị xã P) cấp ngày 09/6/2016, đã chỉnh lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T đối với thửa 24, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã E, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (Bản chính).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 184850 do UBND huyện M (nay là thị xã P) cấp ngày 13/10/2006, đã chỉnh lý sang tên cho ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T đối với thửa thửa 179, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu phố X, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (Bản chính).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền là 10.000.000đ. Số tiền chi phí này ông D, bà T phải chịu, tuy nhiên Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng. Do vậy, buộc ông D, bà T có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 10.000.000đ này cho Ngân hàng TMCP V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Lê Huy D, bà Nguyễn Thị T phải nộp 112.583.339đ (một trăm mười hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 56.156.000đ (năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0007473 ngày 05-10-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2024). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TX. P. ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS TX. P;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nông Thị Tình